

TTĐT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1091 /TTg-V.III

V/v trả lời chất vấn của

Đại biểu Quốc hội

Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 2015

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: C.....
	Ngày: 17/7.....

Kính gửi: Đại biểu Quốc hội Nguyễn Lâm Thành,
Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Lạng Sơn.

Thủ tướng Chính phủ nhận được chất vấn của quý Đại biểu tại văn bản số 85/PC-VPQH ngày 10 tháng 6 năm 2015 của Văn phòng Quốc hội, nội dung như sau:

1. “Những định hướng của Chính phủ trong việc xây dựng chính sách dân tộc giai đoạn 2016-2020 nhằm vừa giải quyết những vấn đề bức xúc của đời sống nhân dân, xóa đói giảm nghèo, vừa tạo tiền đề cho phát triển lâu dài, bền vững đối với vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc”.

2. “Việc bố trí vốn cho việc thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc năm 2015, khả năng kế hoạch 2016 cũng như định hướng kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020”.

Trả lời như sau:

1. Hệ thống chính sách dân tộc hiện nay được thể chế hóa, quy định trong gần 180 văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và của các Bộ, ngành; được triển khai trên tất cả các lĩnh vực, vùng miền. Trong giai đoạn 2016-2020, Chính phủ đưa ra các giải pháp sau:

Giao các Bộ, ngành liên quan tiến hành rà soát, tổng kết việc thực hiện các chính sách dân tộc; trên cơ sở đó đề xuất việc ban hành, lồng ghép các chính sách dân tộc, các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội gắn với xây dựng nông thôn mới trong vùng dân tộc thiểu số, đảm bảo tính bền vững, hiệu quả.

Giai đoạn 2016-2020: Xây dựng và thực hiện 2 chương trình mục tiêu quốc gia: Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Mỗi Bộ, ngành xây dựng và thực hiện tối đa 2 chương trình mục tiêu. Từng Bộ, ngành cần rà soát, tích hợp các chương trình, chính sách theo hướng đa mục tiêu, tránh trùng lặp; giảm cho không, tăng cho vay; tăng cường phân cấp cho địa phương, tăng nguồn lực đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng và sinh kế; mở rộng đối tượng hưởng lợi, tập trung ưu tiên các địa bàn đặc biệt khó khăn, khu vực biên giới, vùng sâu, vùng xa; có cơ chế khuyến khích địa phương thực hiện tốt chính sách và cơ chế cho các địa phương tự cân đối được nguồn lực

chủ động bố trí kinh phí thực hiện chính sách dân tộc cao hơn, phù hợp thực tế.

Như vậy, chính sách dân tộc giai đoạn 2016-2020 sẽ là các hợp phần, nội dung được triển khai của 2 Chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình mục tiêu của từng Bộ, ngành và các chính sách đặc thù do Ủy ban Dân tộc quản lý.

2. Về bố trí vốn thực hiện chính sách dân tộc:

a) Về kế hoạch 2015: Chính phủ đã báo cáo Quốc hội thông qua kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước của các Chương trình mục tiêu có liên quan đến công tác dân tộc như sau:

- Chương trình hỗ trợ huyện nghèo theo Nghị quyết 30a: 1.850 tỷ đồng.

- Chương trình 135: 2.869 tỷ đồng.

- Chương trình di dân, định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số (Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg): 300 tỷ đồng.

- Chương trình hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 755/QĐ-TTg: 200 tỷ đồng.

- Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào Mông, huyện Mường Lát: 9 tỷ đồng.

- Hỗ trợ 4 dân tộc rất ít người (các tỉnh Hà Giang, Lai Châu, Điện Biên) theo Quyết định số 1672/QĐ-TTg : 68 tỷ đồng.

- Dự án sắp xếp, ổn định dân cư 2 xã Mù Cỏ, Tà Tổng huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu: 68 tỷ đồng.

- Đề án phát triển kinh tế - xã hội huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La: 40 tỷ đồng.

- Chương trình hỗ trợ huyện nghèo theo Quyết định số 293/QĐ-TTg: 414 tỷ đồng.

- Chương trình cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo giai đoạn 2013-2020 theo QĐ số 2081/QĐ-TTg : 300 tỷ đồng.

- Chương trình ổn định dân di cư và phát triển huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên: 250 tỷ đồng.

- Chương trình phát triển kinh tế - xã hội tuyến biên giới Việt - Trung, Việt - Lào, Việt Nam - Campuchia: 545 tỷ đồng.

- Chương trình hồ chứa nước sinh hoạt các huyện vùng cao núi đá Hà Giang: 36 tỷ đồng.

b) Vừa qua, Chính phủ đã trình và được Ủy ban Thường vụ Quốc hội chấp thuận bố trí kinh phí cho 6 chính sách dân tộc từ nguồn tăng thu và tiết kiệm chi ngân sách trung ương năm 2014:

- Chính sách bảo vệ rừng và phát triển rừng, gắn với chính sách xóa đói, giảm nghèo và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2020: 450 tỷ đồng;

- Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn: 1.350 tỷ đồng;

- Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2013 – 2015: 290 tỷ đồng;

- Chính sách hỗ trợ di dân định canh, định cư: 377 tỷ đồng;

- Chính sách giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 – 2020: 6 tỷ đồng;

- Chính sách cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn giai đoạn 2013 – 2015: 889 tỷ đồng.

c) Về định hướng kế hoạch đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2016 và giai đoạn 2016-2020:

Việc bố trí vốn đầu tư phát triển thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công; nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 được Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định.

d) Về giải pháp để đạt được các mục tiêu đề ra tại Nghị quyết số 76/2014/NQ-QH13 ngày 24 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã có Văn bản số 912/TTg-KGVX ngày 25 tháng 6 năm 2015 về việc trả lời chất vấn của đại biểu Quốc hội tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XIII.

Trân trọng cảm ơn Đại biểu và đề nghị Đại biểu thông tin đến cử tri quan tâm vấn đề trên biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng, các Phó TTg Chính phủ;
- Ban Công tác Đại biểu của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Lạng Sơn;
- Các Bộ, cơ quan: KHĐT, TC, UBND, LĐTBXH;
- VPCP: BTCN, các PCN,
- Trợ lý TTgCP, TLý PTTg, các Vụ: TH, KTTH, KTN, KGVX; TGD Công TTĐT;
- Lưu: Văn thư, V.III (3b).Ch 36

KT. THỦ TƯỚNG
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Xuân Phúc